

Số: 76/2025/QĐST – HNGĐ

Quỳ Hợp, ngày 04 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 126/2024/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Lô Thị Hồng T**, sinh năm 1978.

Trú tại: Xóm L, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Ông **Bùi Thanh L**, sinh năm 1968.

Trú tại: Xóm T, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: **Ngân hàng Thương mại cổ phần V – Chi nhánh P.**

Địa chỉ: T, số A T, Phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L1 - Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP V.

- Người được ủy quyền: Ông Trần Thanh S - Người đứng đầu Ngân hàng TMCP V

- Chi nhánh P, là đại diện theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 3828/QĐ-BIDV ngày 01/07/2024 của Tổng Giám đốc- Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

- Người được ủy quyền lại:

1. Ông Nguyễn Văn H (Căn cước công dân số 040082004748 do Cục C1 về trật tự xã hội cấp), chức vụ: Giám đốc phòng G, là người được ủy quyền lại theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án dân sự số 1147/QĐ-BIDV.PQ ngày 29/11/2024.

2. Bà Hồ Thị Hoài T1, chức vụ: CB.QLKH , CCCD số 040192001907 do Cục C2 về TTXH cấp, chức vụ: Cán bộ QLKH phòng G, là người được ủy quyền lại theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án dân sự số 1146 QĐ-B.PQ ngày 29 /11/2024.

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điều 463, 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 91; 95; 98 Luật Các tổ chức dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà Lô Thị Hồng T và ông Bùi Thanh L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Lô Thị Hồng T và ông Bùi Thanh L thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Bà Lô Thị Hồng T và ông Bùi Thanh L thỏa thuận giao con chung Bùi Thúy M, sinh ngày 11/8/2011 và Bùi Thúy C, sinh ngày 01/4/2016 cho bà Lô Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 5/2025 trở đi cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Ông Bùi Thanh L cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Thúy M, sinh ngày 11/8/2011 số tiền 3.500.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2025 trở đi cho đến lúc con chung Bùi Thúy M đủ 18 tuổi trưởng thành. Ông Bùi Thanh L cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Thúy C, sinh ngày 01/4/2016 số tiền 2.500.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2025 trở đi cho đến lúc con chung Bùi Thúy C đủ 18 tuổi trưởng thành.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi mọi mặt của con chung khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lô Thị Hồng T cho đến khi thi hành án xong, ông Bùi Thanh L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3 Về tài sản chung: Bà Lô Thị Hồng T và ông Bùi Thanh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Bà Lô Thị Hồng T, ông Bùi Thanh L và Ngân hàng Thương mại cổ phần V – Chi nhánh P thỏa thuận bà Lô Thị Hồng T, ông Bùi Thanh L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V - Chi nhánh P số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2022/6899747/HĐTD ngày 05/12/2022 số tiền nợ gốc là 251.551.815 đồng, tiền lãi tính đến ngày 27/5/2025 là 65.740.085 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 317.291.900 (ba trăm mười bảy triệu, hai trăm chín mươi một nghìn, chín trăm đồng).

Kể từ ngày 27/5/2025 trở đi cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng thì bà Lô Thị Hồng T và ông Bùi Thanh L còn phải trả tiền lãi phát sinh được tính theo mức lãi suất tại hợp đồng tín dụng ký hợp đồng số 01/2022/6899747/HĐTD ngày 05/12/2022.

Trường hợp ông Bùi Thanh L và bà Lô Thị Hồng T không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh P được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp số 01/2018/6899747/HĐBĐ ngày 10/12/2018. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 140m² và nhà ở gắn liền với đất 01 căn nhà cấp 4 hai gian: Diện tích 34m²; Trong đó: có 23,32m² nằm trong hành lang an toàn giao thông và 10,68m² nằm ngoài hành lang an toàn giao thông; Có 02 phòng (Bao gồm 01 phòng khách, 01 phòng ngủ). Có 01 cửa đi bốn cánh; 01 cửa sổ 4 cánh; 02 cửa đi một cánh; Hành lang bê tông diện tích 15,9m²; Mái lợp tôn diện tích 15,9m², cột sắt; Mái nhà lợp ngói pro xi măng; Trần nhựa; Phía trước nhà đổ vỉa bê tông có diện tích 11m²; Tường xây bằng gạch táp lô, cao 3,8m; Ốp gạch ri tường 86cm; Nền lát gạch men 50x50. Giàn mát phía trước nhà gồm 03 vì kèo sắt; 03 cột sắt; Mái lợp tôn diện tích 49,7m². Sân bê tông, diện tích 56m². Dãy nhà trọ phía sau gồm có 02 nhà: Nhà 01: gồm 03 phòng, diện tích 34,2m²: Gồm 3 cửa đi ván ghép, 03 cửa sổ ván ghép; Tường xây bằng gạch táp lô, cao 3m; Trần tôn; Nền lát gạch;

Mái lợp ngói pro xi măng; Sân bê tông phía trước diện tích 20,8m²; Hành lang bê tông; Mái lợp tôn diện tích 20,8m², cột bê tông; Nhà 02: gồm 03 phòng, diện tích 30,3m²; Gồm 3 cửa đi ván ghép, 03 cửa sổ ván ghép; Tường xây bằng gạch táp lô, cao 3m; Trần tôn; Nền đổ bê tông; Mái lợp ngói pro xi măng; Sân bê tông phía trước diện tích 14,2m²; Hành lang bê tông; Mái lợp tôn diện tích 14,2m², cột bê tông; Tổng diện tích ngôi nhà và dây trụ là 98,5m². Đất và tài sản trên đất tại Xóm T, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AD 298508 do Ủy ban Nhân dân huyện Q - tỉnh Nghệ An cấp cho Hộ ông Bùi Thanh L ngày 29/05/2006, số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất 00008/QSĐĐ: 480QĐ/UB(H).

Sau khi phát mại tài sản thế chấp mà không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Bùi Thanh L và bà Lô Thị Hồng T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản thế chấp sau khi thanh toán hết nợ mà còn thừa thì Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh P phải trả lại ông Bùi Thanh L.

Trường hợp Bà Lô Thị Hồng T và ông Bùi Thanh L trả hết nợ thì Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh P phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AD 298508 do Ủy ban Nhân dân huyện Q - tỉnh Nghệ An cấp cho Hộ ông Bùi Thanh L ngày 29/05/2006, số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất 00008/QSĐĐ: 480QĐ/UB(H) cho ông Bùi Thanh L.

2.5 Về chi phí tố tụng: Bà Lô Thị Hồng T và ông Bùi Thanh L có nghĩa vụ thanh toán chi phí xem xét thẩm định cho Ngân hàng thương mại cổ phần V - Chi nhánh P số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu) đồng.

2.6 Về án phí: Bà Lô Thị Hồng T và ông Bùi Thanh L thỏa thuận bà Lô Thị Hồng T chịu án phí dân sự sơ thẩm 150.000,đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Khoản án phí này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Lô Thị Hồng T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng. Trả lại cho bà Lô Thị Hồng T số tiền 150.000,đ (một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006223 ngày 16 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Ông Bùi Thanh L chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000,đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Các đương sự thỏa thuận bà Lô Thị Hồng T và ông Bùi Thanh L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật là 7.932.000,đ (bảy triệu chín trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V - Chi nhánh P số tiền 9.648.300 (chín triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm) đồng tạm ứng án phí

theo biên lai thu số 0006281 ngày 13/01/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nghĩa Liên, huyện Nghĩa Đàn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Sầm Thị Thanh Sương